

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 29 - 02 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Bình.
- Ông Lê Văn Mỹ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện VKSND huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Văn T1, tên gọi khác: không; sinh năm 1973, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Khổng B, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1952 (đã chết); có vợ tên Phạm Hương T2, sinh năm 1982 (đã ly hôn) có 01 con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2023 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T1 là đối tượng sử dụng ma túy nên biết ở khu vực khu D, thành phố T, Hồ Chí M có người bán trái phép chất ma túy. Khoảng giữa tháng 9/2023, T1 điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ-đen biển số 76L4-2573 đi từ nhà thuộc ấp C, xã V, huyện V đến khu D hỏi dò và gặp 01 người đàn ông (không rõ họ tên,

địa chỉ) mua 500.000 đồng ma túy loại Heroine. Sau đó, T1 mang ma túy về nhà tại ấp C, xã V sử dụng một phần, phần còn lại bỏ trong 02 gói nilon màu đen hàn kín cất giấu trong túi quần để sử dụng dần. Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 15/10/2023, lực lượng công an xã V kiểm tra hành chính nhà Trương Văn T1 phát hiện T1 tàng trữ ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

+ Vật chứng thu giữ:

- Trong túi quần bên phải phía trước của Trương Văn T1 02 gói nilon màu đen hàn kín, bên trong có chứa chất bột màu trắng; 01 điện thoại di động Vivo màu xanh-đen số IMEI 1: 867251053797040, số IMEI 2: 867251053797057 (Chất lượng bên trong không kiểm tra).

- T3 tại hiện trường xe mô tô biển số 76L4-2573, màu đỏ - đen.

+ Tại Kết luận giám định chất ma túy số 2280/KL-KTHS ngày 20/10/2023 của Giám định viên Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất bột màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,2220 gam, loại Heroine. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1773gam. Toàn bộ đối tượng sau giám định được hoàn lại trong niêm phong số: 2280/KL-KTHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số: 31/CT-VKSVC ngày 19/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trương Văn Thịnh về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Trương Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249; Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trương Văn T1 từ 12 đến 14 tháng tù.

+ Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối tượng còn lại sau giám định trong niêm phong số 2280/KL-KTHS; Trả lại Trương Văn T1 01 điện thoại di động hiệu Vivo xanh-đen số IMEI 1: 867251053797040, số IMEI 2: 867251053797057 không sử dụng mục đích phạm tội.

+ Về án phí bị cáo phải chịu theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như nội dung được tóm tắt ở phần trên.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi mà bị cáo đã gây ra, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 15/10/2023 tại tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Trương Văn T1 tàng trữ trái phép 0,2220 gam ma túy loại Heroine, mục đích sử dụng.

Hành vi của bị cáo Trương Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn đối với xã hội và người sử dụng, mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm. Bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật đã thực hiện hành vi như đã nêu trên. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Trương Văn T1 là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Văn T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong số: 2280/KL-KTHS ngày 20/10/2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo xanh-đen số IMEI 1: 867251053797040, số IMEI 2: 867251053797057 thu giữ của bị cáo Trương Văn T1 không sử dụng mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo Trương Văn T1.

Đối với xe mô tô biển số 76L4-2573, màu đỏ - đen, qua tra cứu xe mô tô biển số 76L4-2573 do Đinh Văn T4, sinh năm 1987, thường trú tại Làng R, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên sở hữu. Năm 2019, anh T4 bán lại cho tiệm mua bán xe cũ không nhớ địa chỉ tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. T1 khai mua lại tại tiệm mua bán xe cũ (không nhớ tên) thuộc xã B, huyện T năm 2019 và sử dụng làm phương tiện đi lại, khi mua có giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng T1 đã làm thất lạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyên Công an huyện tiếp tục xác minh xử, lý theo quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo Trương Văn T1 bị kết án nên bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ bán ma túy cho T1 tại khu vực S, thành phố T, Hồ Chí Minh, yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện V phối hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điều 106, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2023.

- *Về xử lý vật chứng:*

+ Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số 2280/KL-KTHS ngày 20/10/2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ.

+ Trả lại cho bị cáo Trương Văn T1 01 điện thoại di động hiệu Vivo xanh-đen số Imel 1: 867251053797040, số Imel 2: 867251053797057

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

- *Về án phí*: Bị cáo Trương Văn T1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *Bị cáo;*
- *VKS huyện Vĩnh Cửu;*
- *VKS tỉnh Đồng Nai;*
- *Công an huyện Vĩnh Cửu;*
- *Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;*
- *Chi cục THA huyện Vĩnh Cửu;*
- *Sở Tư pháp;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại